

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 11 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT
Về biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2014

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 4020/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2013 về kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2014; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng biên chế hành chính và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2014 của tỉnh Quảng Trị (có Phụ lục kèm theo) như sau:

1. Tổng chỉ tiêu biên chế hành chính: 2.024 biên chế.
2. Tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập: 17.010 chỉ tiêu.

Trong đó:

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 13.782 chỉ tiêu;
- Sự nghiệp y tế: 2.338 chỉ tiêu;
- Sự nghiệp văn hóa - thể thao: 363 chỉ tiêu;
- Sự nghiệp khác: 527 chỉ tiêu.

3. Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ: 208 chỉ tiêu.

4. Số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp: 830 chỉ tiêu.

5. Y tế xã: 627 chỉ tiêu.

6. Đơn vị sự nghiệp công lập đã được UBND tỉnh giao quyền tự chủ tài chính thì tiếp tục thực hiện quyền tự chủ tài chính. Nếu khó khăn thì UBND tỉnh xem xét

chuyển đổi hình thức quản lý hoặc giải thể, ngân sách nhà nước không cấp bổ sung. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính rà soát tình hình tổ chức biên chế, tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, huyện; kiến nghị giải pháp thực hiện lộ trình tự chủ tài chính theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, quản lý chặt chẽ các nguồn thu thông qua hoạt động dịch vụ công.

7. Đơn vị hành chính, sự nghiệp đã được giao biên chế, chỉ tiêu nhưng chưa tuyển đủ thì chưa giao bổ sung biên chế, chỉ tiêu năm 2014. Đối với ngành giáo dục, ưu tiên tuyển dụng giáo viên, nhân viên trường học đang hợp đồng lao động có đủ tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ không kể thời gian tập sự, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ 03 năm trở lên. Số hợp đồng còn lại tiếp tục đăng ký xét tuyển bình thường.

Từ năm 2014, chấm dứt các hình thức hợp đồng đối với vị trí việc làm và số người làm việc đã được phê duyệt. Trường hợp cần bổ sung biên chế, chỉ tiêu do yêu cầu của tỉnh phải được Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo UBND tỉnh quyết định nhưng không tăng tổng biên chế và số người làm việc được giao. Có giải pháp đồng bộ sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực của ngành giáo dục và đào tạo, bảo đảm cho giáo viên dạy đủ số tiết theo định mức; điều động giáo viên dôi dư đến công tác có thời hạn ở vùng khó, đảm bảo công bằng trong sử dụng viên chức giáo dục.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trình Bộ Nội vụ bổ sung biên chế công chức hành chính năm 2014 của tỉnh; thực hiện quản lý, sử dụng biên chế hành chính, số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp và hợp đồng lao động đã được HĐND tỉnh thông qua.

2. Trong năm kế hoạch, nếu có nhu cầu tăng chỉ tiêu biên chế do đơn vị thành lập tổ chức mới hoặc được bổ sung chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Quốc hội, Chính phủ và HĐND tỉnh thì UBND tỉnh xây dựng phương án bổ sung chỉ tiêu biên chế, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh biết để giám sát và báo cáo Bộ Nội vụ. Khi được cấp có thẩm quyền bổ sung biên chế mới tổ chức thực hiện.

3. Chỉ đạo Sở Nội vụ, các Sở, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố rà soát toàn bộ viên chức, người lao động ngoài chỉ tiêu biên chế; chấm dứt hợp đồng lao động từ ngân sách nhà nước; giúp UBND tỉnh quản lý, theo dõi hợp đồng lao động của các đơn vị, địa phương trong định mức chỉ tiêu biên chế.

Điều 3. Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Quảng Trị khóa VI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2013.

CHỦ TỊCH

Lê Hữu Phúc

Phụ lục
KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP NĂM 2014
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Số TT	Đơn vị	Tổng số	Kế hoạch biên chế năm 2014									Hợp đồng khác
			Biên chế	Chia ra					Hợp đồng 68			
				QLNN	SNGD	SNYT	SNVHTT	SN khác	Tổng số	HC	SN	
I	SỞ, BAN, NGÀNH	6.807	6.630	1.094	2.618	2.292	209	417	177	88	89	168
1	Sở Công Thương	112	99	90				9	13	11	2	2
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	2.419	2.414	55	2.359				5	1	4	
3	Sở Giao thông Vận tải	37	37	37								2
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	49	46	40				6	3	3		
5	Sở Khoa học và Công nghệ	62	59	32				27	3	3	0	15
6	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	152	136	41	37			58	16	2	14	
7	Sở Nội vụ	74	65	60				5	9	6	3	
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	533	516	277	43			196	17	16	1	107
9	Sở Ngoại vụ	22	21	21					1	1		
10	Sở Tư pháp	58	52	26				26	6	2	4	
11	Sở Tài chính	49	48	48					1	1		
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	67	63	48				15	4	3	1	
13	Sở Thông tin và Truyền thông	27	24	24					3	3	0	10
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	198	177	40			130	7	21	4	17	17
15	Sở Xây dựng	33	32	32					1	1		
16	Sở Y tế	2.430	2.388	55	44	2.289			42	5	37	
17	Tổng đội Thanh niên xung phong	4	4					4				3
18	Thanh tra tỉnh	34	32	32					2	2		
19	Trường Cao đẳng Sư phạm	135	135		135							
20	Văn phòng UBND tỉnh	66	58	44				14	8	8	0	
21	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	37	32	32					5	5		
22	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	60	59				59		1		1	
23	Ban Dân tộc	32	30	30					2	1	1	

24	Ban Quản lý các khu kinh tế	41	30	30					11	10	1	11
26	Ban Quản lý Dự án thủy lợi - thủy điện	2	2					2				
29	Hội Nạn nhân chất độc Da cam	1	1					1				
30	Hội Đông y	3	3			3						
31	Hội Bảo trợ Người khuyết tật và Trẻ mồ côi	2	2					2				
32	Hội Chữ thập đỏ	13	13					13				
33	Hội Kế hoạch hóa gia đình	1	1					1				
34	Hội Làm vườn	2	2					2				
35	Hội Người mù	3	3					3				1
36	Hội Nhà báo	3	3				3					
37	Hội Văn học nghệ thuật	18	17				17		1		1	
38	Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật	5	4					4	1		1	
39	Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị	3	3					3				
40	Liên minh HTX và DNNQD tỉnh	18	17					17	1		1	
41	Hội Khuyến học	1	1					1				
42	Hội Cựu Thanh niên xung phong	1	1					1				
II	HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	12.435	12.404	930	11.164	46	154	110	31	27	4	37
1	Thành phố Đông Hà	1.156	1.149	119	993	5	20	12	7	7		5
2	Thị xã Quảng Trị	500	494	82	385	5	12	10	6	4	2	
3	Huyện Vĩnh Linh	1.566	1.564	104	1.429	5	14	12	2	2		
4	Huyện Gio Linh	1.512	1.510	100	1.380	5	14	11	2	1	1	
5	Huyện Triệu Phong	1.790	1.787	104	1.649	5	17	12	3	3		
6	Huyện Hải Lăng	1.687	1.683	105	1.549	5	13	11	4	3	1	
7	Huyện Cam Lộ	955	954	87	838	5	14	10	1	1		
8	Huyện Đakrông	1.239	1.235	104	1.092	5	24	10	4	4		2
9	Huyện Hướng Hóa	2.000	2.000	110	1.847	5	25	13				30
10	Huyện đảo Côn Cỏ	30	28	15	2	1	1	9	2	2		
	Cộng toàn tỉnh	19.242	19.034	2.024	13.782	2.338	363	527	208	115	93	205

Ghi chú: Điều chỉnh giảm 17 biên chế sự nghiệp khác không hưởng lương ngân sách: 08 biên chế Trung tâm Dịch vụ Hội nghị tỉnh; 06 biên chế của Trung tâm Công nghệ Thông tin - Sở Giáo dục và Đào tạo; 03 biên chế của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông - Sở Thông tin và Truyền thông.